



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Container Miền Trung

Ngày 31/12/2025	15,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.2%	0.7%	2.0%

DT thuần Q4/25
80.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.10 6.8%
YoY: ▼ 3.10 -3.8%

LN thuần Q4/25
4.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.42 11.0%
YoY: ▲ 0.07 1.7%

LN sau thuế Q4/25
3.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.30 9.8%
YoY: ▲ 0.34 11.2%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
5.5%
YoY: +/- ▼ 0.2%

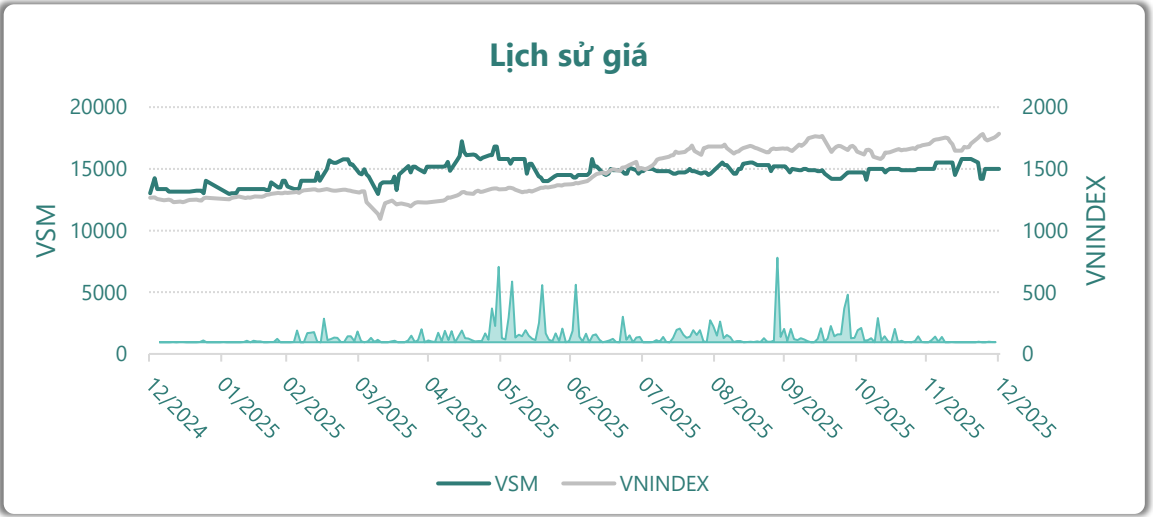
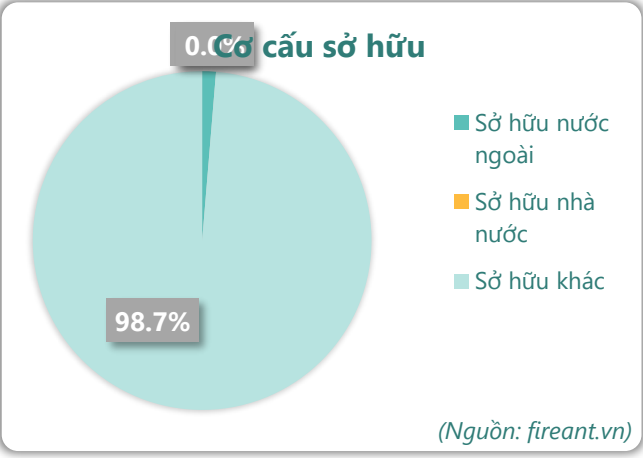
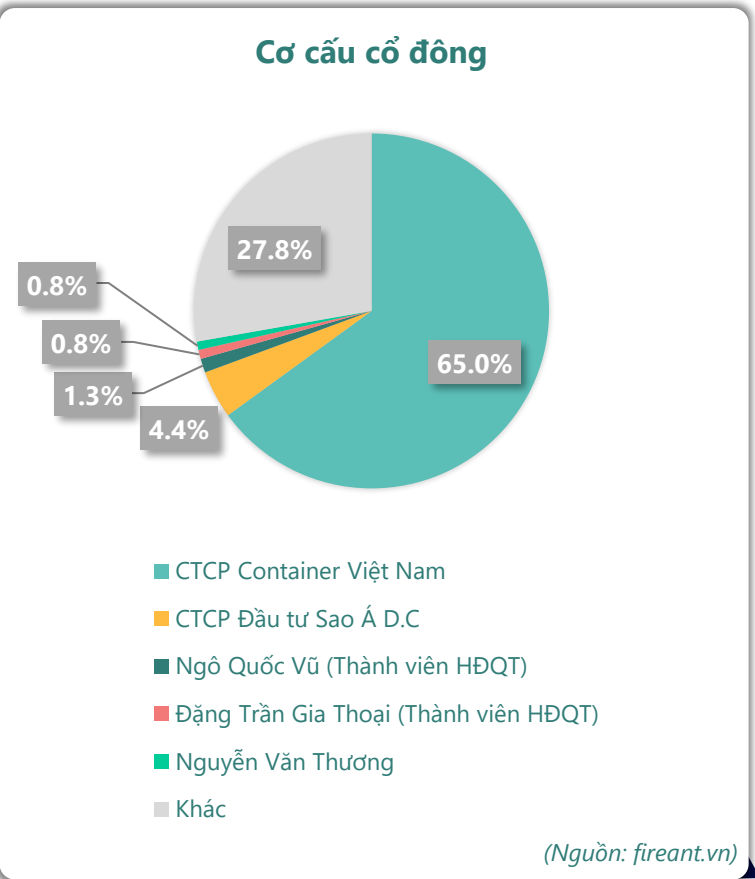
ROE 2025
13.4%
YoY: +/- ▼ 1.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,961 - 17,236
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	75
Số lượng CPLH (CP)	5,032,475
KLGD BQ 20 phiên (CP)	115
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	0.25
EPS	2,484
P/E	6.0

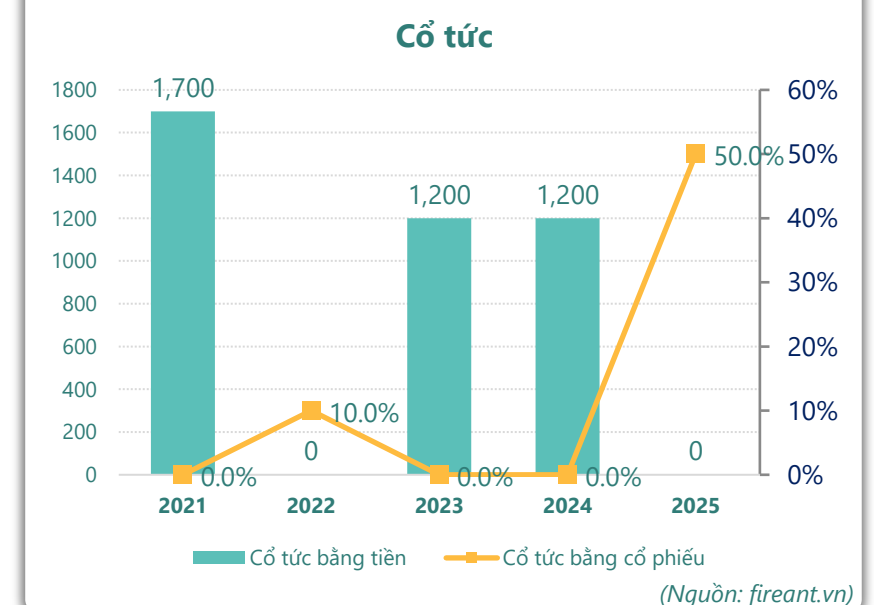
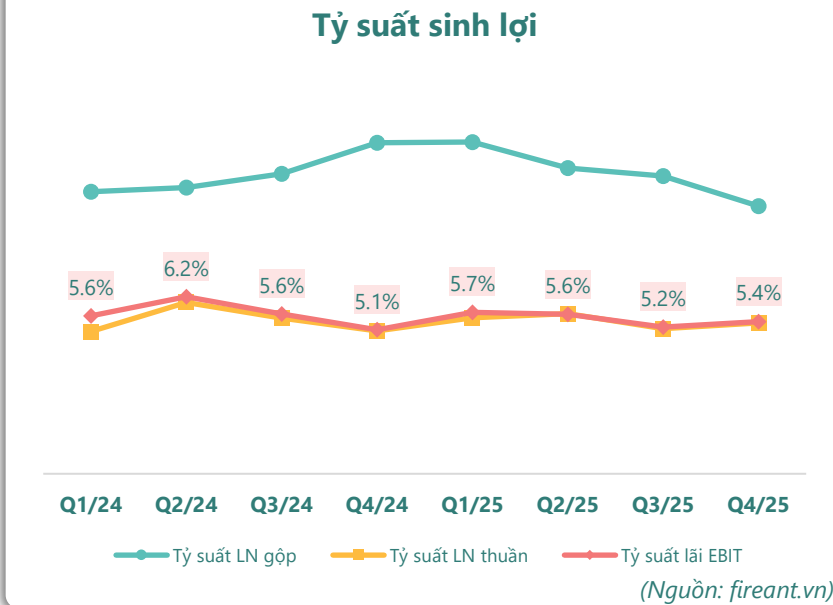
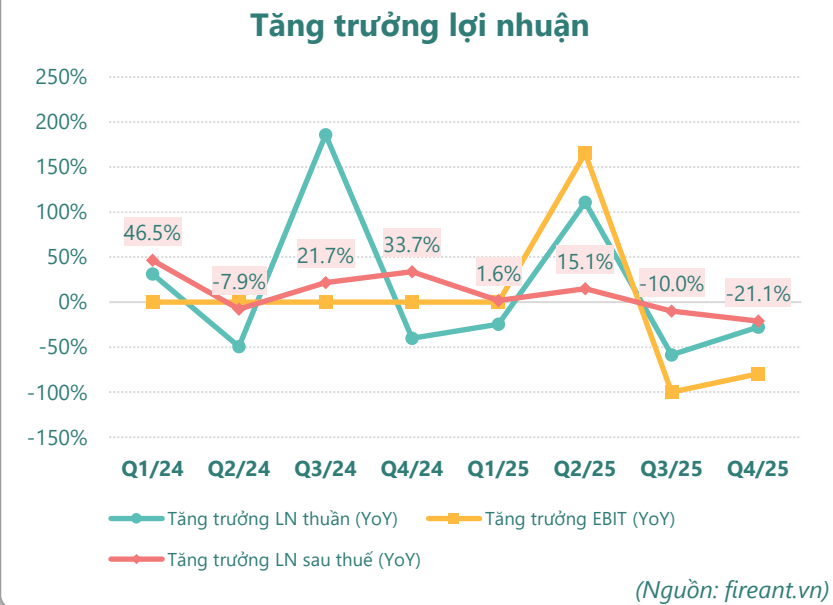
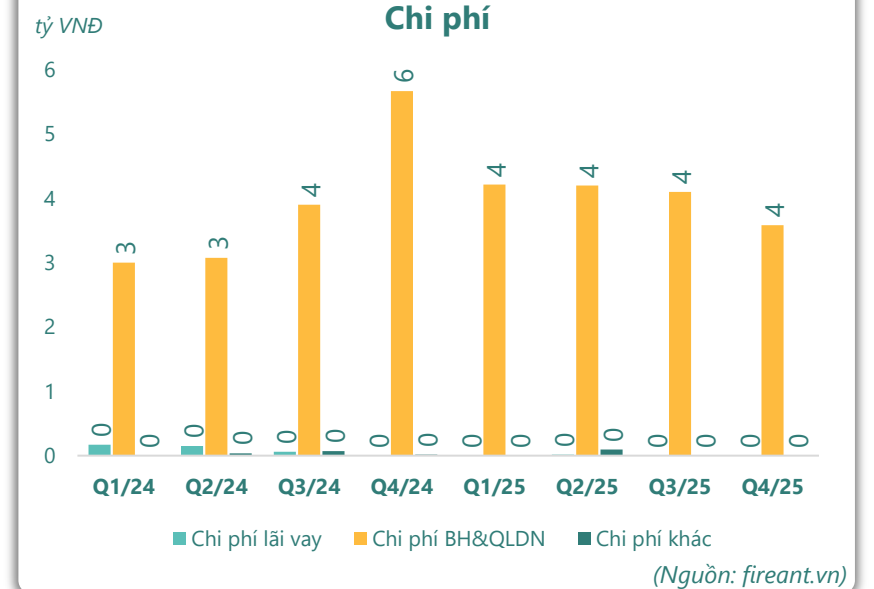
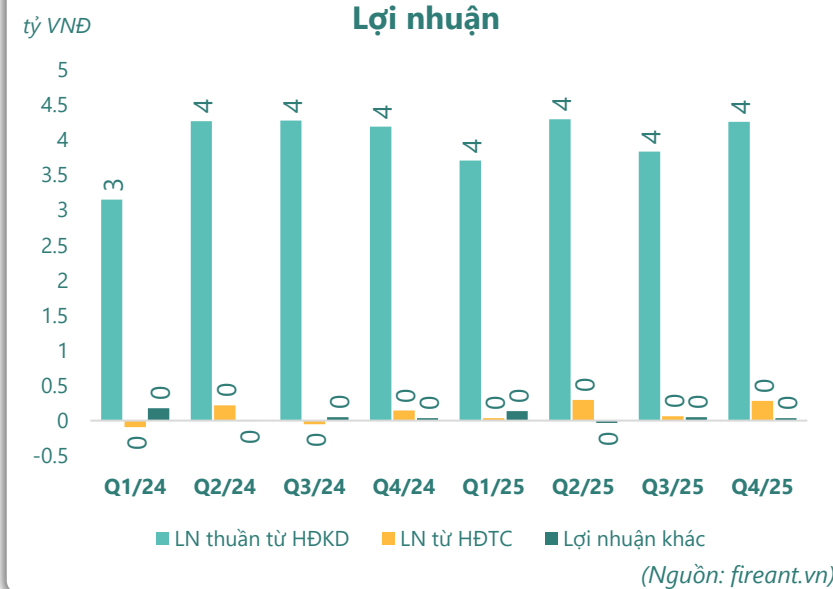
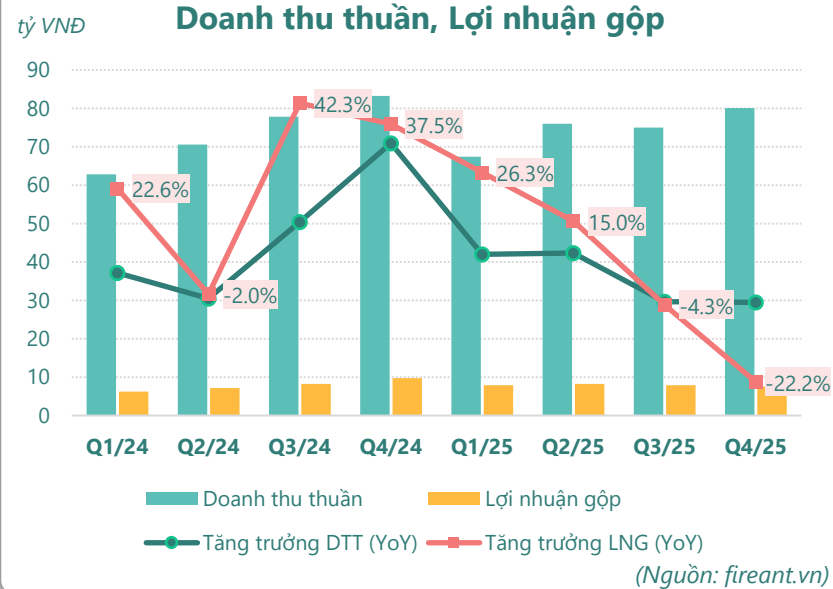
DT thuần 2025
298
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.00 1.4%

LN thuần 2025
16.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.20 1.3%

LN sau thuế 2025
12.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.40 3.0%



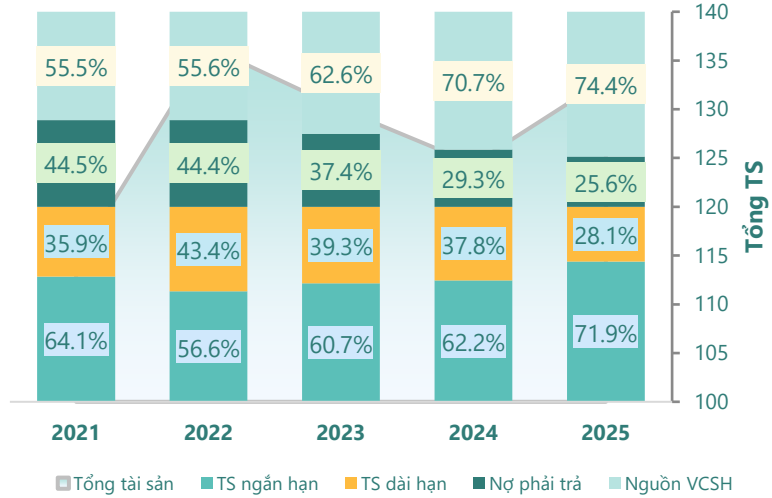
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

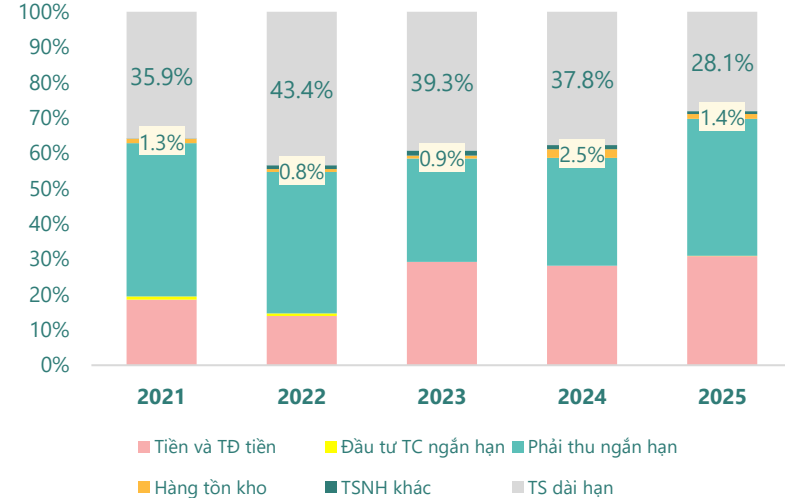
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

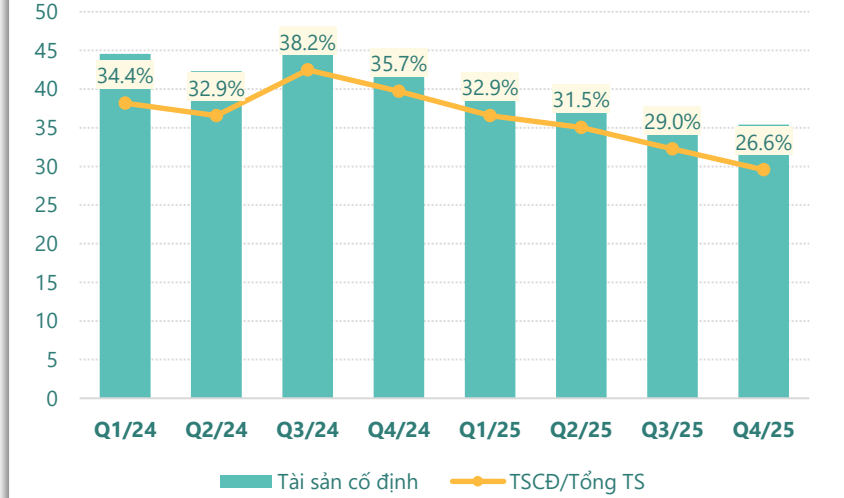
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

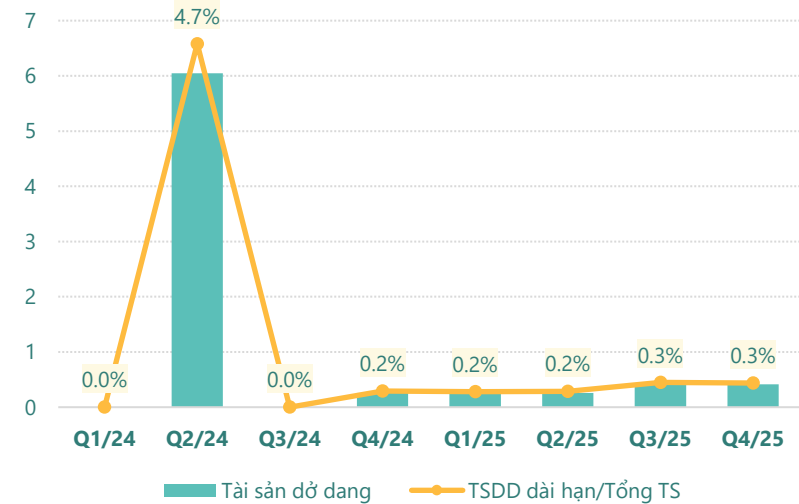
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

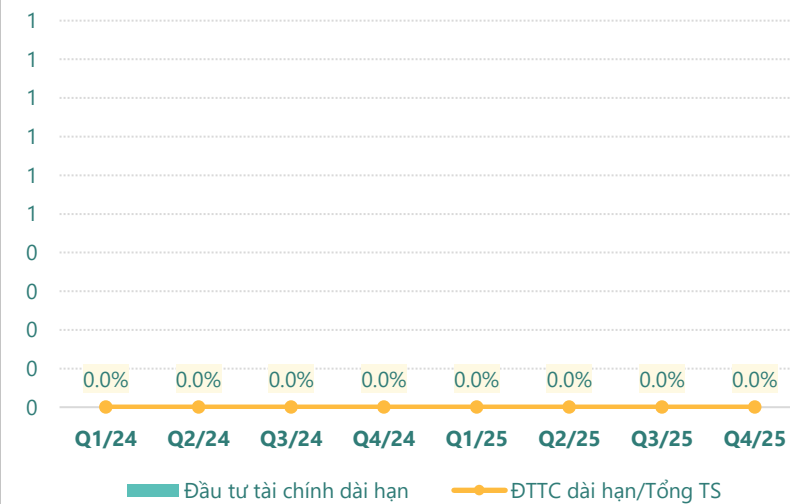
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

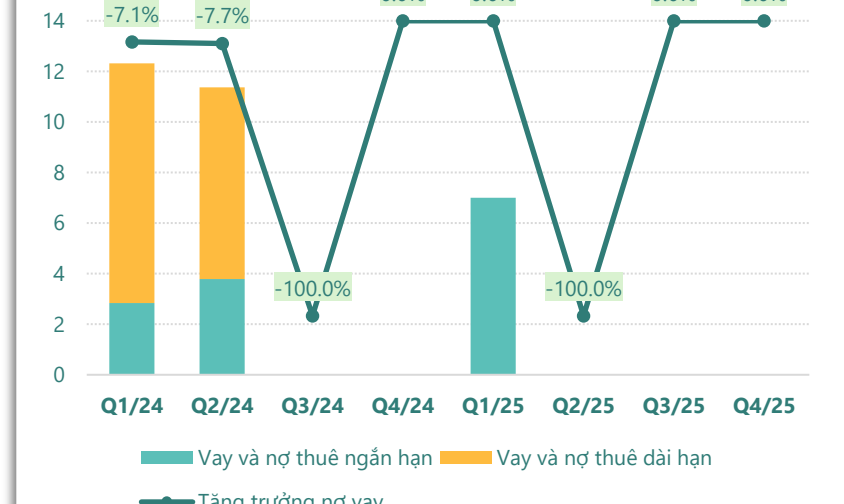
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

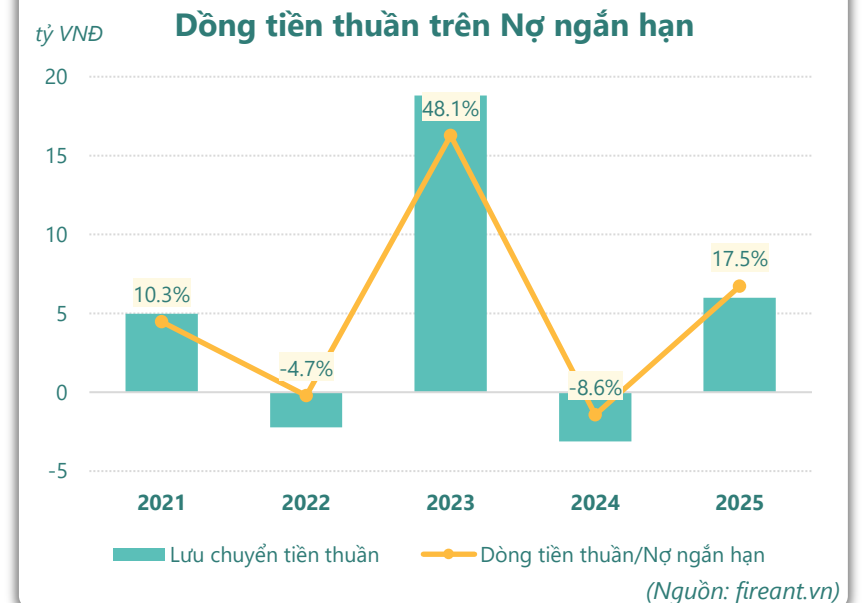
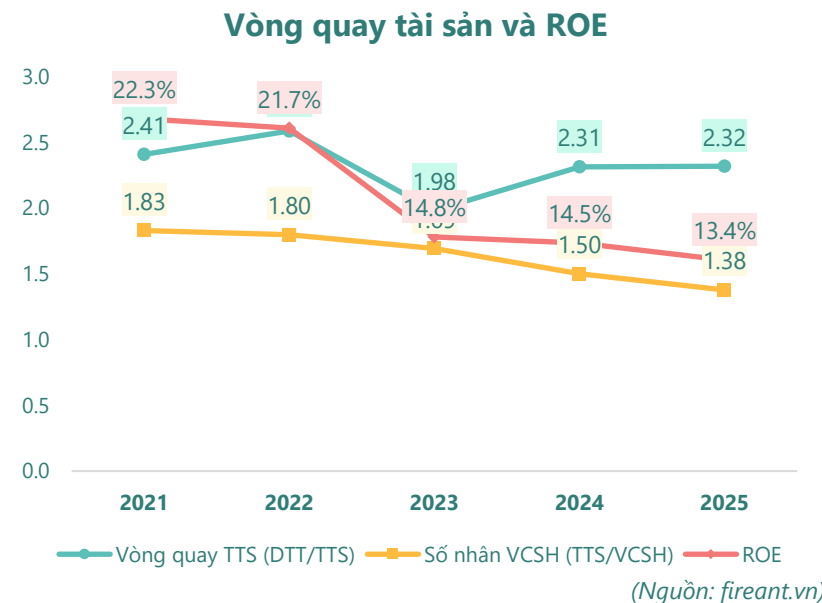
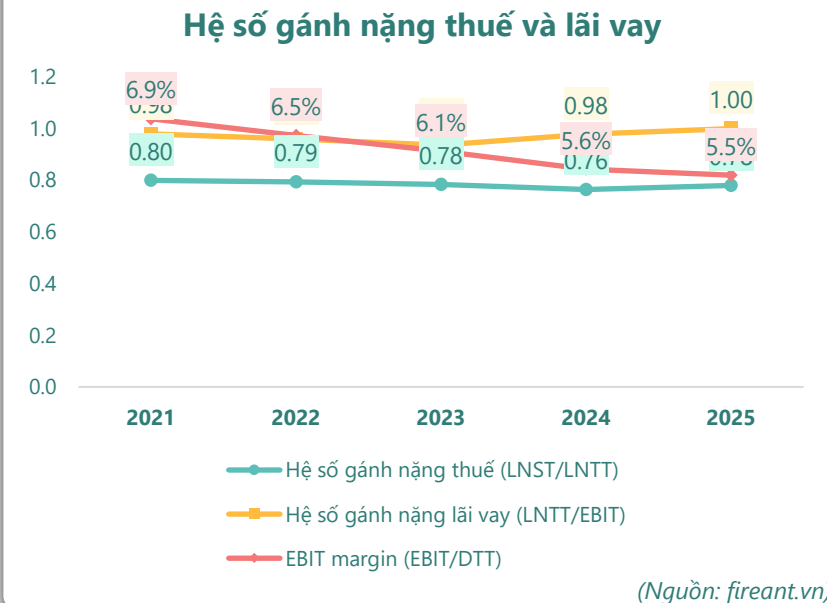
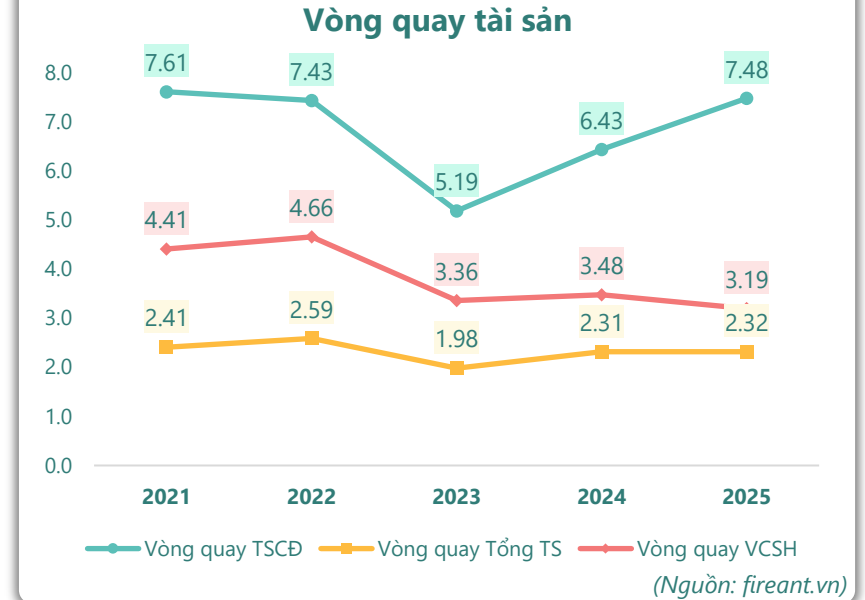
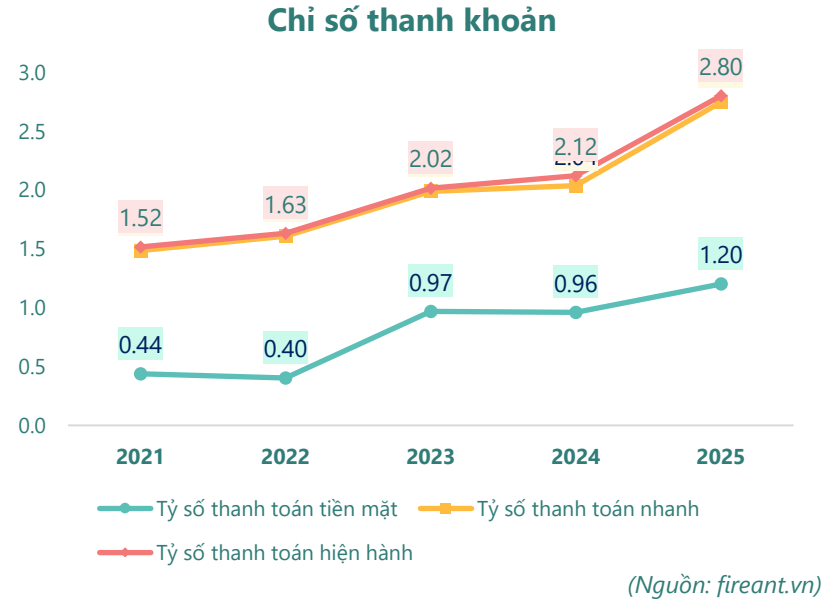
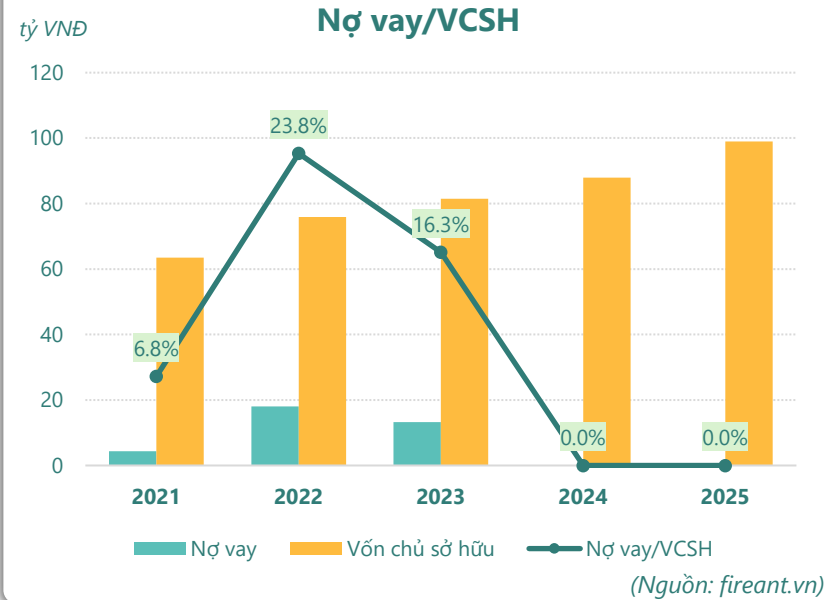
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	80.1	83.2	-3.8%	298	294	1.4%
Giá vốn hàng bán	72.5	73.5	-1.3%	267	263	1.5%
Lợi nhuận gộp	7.57	9.72	-22.2%	31.5	31.3	0.6%
Doanh thu HĐTC	0.28	0.15	88.4%	0.71	0.62	15.8%
Chi phí TC	0.00	0.01	-82.6%	0.04	0.40	-90.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.01	0.38	-96.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.18	1.45	-18.5%	4.93	3.47	41.8%
Chi phí QLDN	2.40	4.22	-43.1%	11.2	12.2	-8.3%
LN thuần từ HĐKD	4.26	4.19	1.7%	16.1	15.9	1.3%
Lợi nhuận khác	0.04	0.04	-12.5%	0.18	0.26	-28.2%
LN trước thuế	4.30	4.23	1.6%	16.3	16.2	0.8%
Lợi nhuận sau thuế	3.34	3.00	11.2%	12.7	12.3	3.0%
LNST của CĐ cty mẹ	3.30	3.04	8.7%	12.5	12.2	2.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.9	13.4	-16.5	6.38	3.46	12.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.50	-0.44	0.06	0.10	0.27	-0.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.4	0	7.00	-7.00	0	0
Tiền đầu kỳ	20.0	22.0	35.0	25.6	25.3	29.0
Lưu chuyển tiền thuần	2.04	13.0	-9.41	-0.52	3.73	12.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.02	0	0.17	0.00	-0.14
Tiền cuối kỳ	22.0	35.0	25.6	25.3	29.0	41.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	133	124	7.0%
Tài sản ngắn hạn	95.7	77.4	23.5%
Tiền và tương đương tiền	41.0	35.0	17.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.20	0	
Phải thu ngắn hạn	51.5	37.9	35.7%
Hàng tồn kho	1.84	3.09	-40.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.10	1.38	-20.4%
Tài sản dài hạn	37.4	47.0	-20.3%
Phải thu dài hạn	0.30	0.48	-37.6%
Tài sản cố định	35.4	44.4	-20.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.41	0.26	60.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.31	1.77	-25.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	34.1	36.5	-6.4%
Nợ ngắn hạn	34.1	36.5	-6.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	18.3	21.6	-15.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	98.9	87.9	12.5%
Vốn chủ sở hữu	98.9	87.9	12.5%
Vốn điều lệ	50.3	33.5	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

